

QUYẾT ĐỊNH

Về mức học phí đào tạo đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

Căn cứ Điều lệ trường Đại học ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về trách nhiệm và quyền hạn của Hiệu trưởng trường đại học;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Quyết định số 1924/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội;

Căn cứ đề nghị của Ban tư vấn tài chính về mức học phí đào tạo đại học hệ chính quy,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mức học phí đại học hệ chính quy đối với các khóa từ Khóa 61 trở về trước

1. Học phí được tính theo số tín chỉ học phí (TCHP) của các học phần được sinh viên đăng ký học ở mỗi học kỳ. Số TCHP của mỗi học phần được quy định tại Quyết định số 716/QĐ-ĐHBK-ĐTĐH ngày 29/08/2011 của Hiệu trưởng Trường ĐH Bách khoa Hà Nội.

2. Mức học phí/một TCHP đối với các học phần nằm trong khung chương trình đào tạo được quy định cho 2 học kỳ chính của năm học, xác định theo đơn vị nghìn đồng như sau:

Chương trình đào tạo	Năm học		
	2016-2017	2017-2018	2018-2019
Đại học chính quy đại trà	185	205	230
Liên thông từ CĐ lên Cử nhân công nghệ; chuyển tiếp từ Cử nhân công nghệ lên Kỹ sư	240	270	300
KS tài năng và KS chất lượng cao	200	225	250
Chương trình tiên tiến (Điện-Điện tử, Cơ điện tử, KH&KT Vật liệu, KT Y sinh, CNTT Việt-Nhật, ICT)	350	380	420
Chương trình IPE*	350	380	420

*Đối với chương trình IPE, sinh viên phải đóng thêm phí ghi danh và kiểm định chất lượng của trường đối tác, tạm tính quy đổi là 12 triệu đồng/năm học.

3. Mức học phí các học phần học lại, học cải thiện điểm nằm trong khung chương trình đào tạo được tính bằng mức học phí quy định tại Khoản 2 của Điều này.

4. Mức học phí đối với các học phần ngoài khung chương trình đào tạo (học phần ngoài chương trình ngành chính được xếp, học ngành thứ hai, học văn bằng thứ hai, học quá thời



gian thiết kế của chương trình đào tạo) được tính bằng 1,5 lần mức học phí quy định tại Khoản 2 của Điều này.

5. Mức học phí học kỳ hè được tính bằng 1,7 lần mức học phí quy định tại Khoản 2 của Điều này.

6. Mức học phí đối với sinh viên ngoại quốc tự chi trả kinh phí học tập được tính bằng 2,0 lần mức học phí quy định tại Khoản 2 của Điều này.

7. Đối với các lớp tổ chức học lại ngoài kế hoạch theo đề nghị của sinh viên với số lượng quá ít so với tổng số sinh viên của ngành học, mức học phí được nhân thêm với hệ số lớp như sau:

- a) Lớp từ 10 đến dưới 20 sinh viên: hệ số 1,5
- b) Lớp dưới 10 sinh viên: hệ số 2,0.

Điều 2. Chế độ miễn giảm học phí

1. Sinh viên Sư phạm kỹ thuật được miễn học phí cho những học phần thuộc khối kiến thức chương trình sư phạm, nhưng phải đóng học phí cho những học phần thuộc chương trình ngành kỹ thuật (chương trình song ngành) như quy định trong Khoản 4 Điều 1. Sinh viên Sư phạm kỹ thuật học quá thời gian theo thiết kế không được hưởng chế độ miễn giảm học phí; mức học phí áp dụng như quy định trong Điều 1.

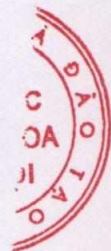
2. Trường thực hiện việc miễn, giảm học phí đối với các sinh viên thuộc đối tượng được hưởng chế độ miễn, giảm học phí theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các Ông/Bà Trường phòng Đào tạo Đại học, Kế hoạch-Tài vụ, Công tác Chính trị và Công tác sinh viên, Trưởng các đơn vị khoa, viện thuộc Trường và các sinh viên đại học hệ chính quy chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Lưu ĐTDH.

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Hoàng Minh Sơn